TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRÀ ÔN** **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 141/2019/QĐST-DS	*Trà Ôn, ngày 23 tháng 10 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 15/10/2019 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 230/2019/TLST-DS ngày 09 tháng 9 năm 2019.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Lê Thị Q, sinh năm 1951.

Địa chỉ: ấp M, xã T, huyện T1, tỉnh Vĩnh Long.

- *Bị đơn:* 1/ Bà Nguyễn Thị X, sinh năm 1954.

2/ Chị Lê Thị Thu H, sinh năm 1987

Cung địa chỉ: ấp M, xã T, huyện T1, tỉnh Vĩnh Long.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Các bị đơn bà Nguyễn Thị X và chị Lê Thị Thu H có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn bà Lê Thị Q số tiền hụi vốn 22.500.000đ (*Hai mươi hai triệu năm trăm nghìn đồng*).

Kể từ ngày bà Lê Thị Q có đơn yêu cầu thi hành án nếu bà Nguyễn Thị X và chị Lê Thị Thu H chưa thực hiện xong tất cả các khoản tiền thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc nguyên đơn bà Lê Thị Q có nghĩa vụ nộp số tiền 281.250đ (*Hai trăm tám mươi mốt nghìn hai trăm năm mươi đồng)* nhưng bà Q đơn xin miễn án phí do bà thuộc diện người cao tuổi theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị

quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội nên được miền toàn bộ.

Buộc các bị đơn bà Nguyễn Thị X và chị Lê Thị Thu H có nghĩa vụ nộp số tiền 281.250đ (*Hai trăm tám mươi mốt nghìn hai trăm năm mươi đồng)* án phí dân sự sơ thẩm. Nhưng bà Nguyễn Thị X có đơn xin miễn án phí do thuộc diện người cao tuổi theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội nên bà X được miễn phần bà X có nghĩa vụ nộp. Còn lại 140.625đ (*Một trăm bốn mươi nghìn sáu trăm hai mươi lăm đồng*) buộc chị H có nghĩa vụ nộp tiếp.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN
(Đã ký)

Nguyễn Thị Thu Nga